

Bản án số: 131/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 30/08/2024

V/v" Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hải
Ông Lê Lý Bằng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Mai Văn H1 - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Mai Văn H1: Bà Lương Thanh V; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt).

Tại phiên tòa vắng mặt chị H (có đơn xin xét xử vắng mặt), vắng mặt anh H1 lần thứ hai (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyên, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H ngày 14/07/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì đến tháng 11 năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 ghen tuông vô cớ, nên thường xuyên đánh đập chị nhiều lần. Vì nghĩ cho con chị đã cố gắng chịu đựng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 11 năm 2009 đến nay chị và anh H1 đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là Mai Quang H2, sinh ngày 17/01/2008. Hiện nay cháu H2 đang ở với chị H. Ly hôn, nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Quang H2 và không yêu cầu anh Mai Văn H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Mai Văn H1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H1 và người thân của anh H1 (mẹ anh H1) tại gia đình nhưng anh H1 và bà C (mẹ anh H1) cố tình không nhận các văn bản của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập được anh H1 là đối tượng người khuyết tật nặng và được hưởng chế độ về việc trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội, theo quyết định số: 5473/QĐ-UBND ngày 18/08/2019 của UBND huyện H cấp. Tòa án đã tiến hành về tại gia đình anh H1 và bà C (mẹ anh H1) để phổ biến, giải thích về việc cử người giám hộ cho người được giám hộ theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Dân sự, nhưng bà C từ chối không đồng ý làm người giám hộ và cũng không nhận văn bản gì liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc có các công văn số: 1302/2024/CV-TA ngày 12/06/2024 và số: 1610/2024/CV-TA ngày 22/07/2024 đề nghị UBND xã L, huyện H cử người giám hộ để đại diện tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Mai Văn H1 theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Dân sự nhưng Tòa án không nhận được ý kiến của UBND xã L. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 25/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc cùng với đại diện chính quyền địa phương xã L về tại gia đình anh Mai Văn H1, bà Nguyễn Thị C1 (mẹ anh H1) để làm việc. Sau khi nghe phổ biến, giải thích về quyền và nghĩa vụ thì anh H1 cũng tự viết bản tự khai và trình bày quan điểm của anh H1 như sau:

Về hôn nhân: Tôi không muốn ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Tôi muốn chị H rút lại hồ sơ ly hôn đã nộp.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Mai Quang H2, sinh năm 2008. Tôi muốn đoàn tụ để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của người bảo vệ quyền , lợi ích hợp pháp cho anh H1: Trên cơ sở nội dung vụ án và quá trình giải quyết đề Hội đồng xem xét: Sau khi anh H1 và chị H kết hôn với nhau cuộc sống chung của vợ chồng rất hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung là Mai Quang H2, sinh ngày 17/01/2008. Cuộc sống chung của vợ chồng anh H1, chị H có phát sinh mâu thuẫn nhưng cũng chỉ vì anh H1 yêu thương chị H và con. Nên anh H1 có những hành vi, cử chỉ không đúng mực với chị H làm cho chị H bỏ đi nhưng anh H1 và bà C1 (mẹ anh H1) cũng đã có thời gian động viên chị H quay về để đoàn tụ gia đình và nuôi con. Hiện nay, anh H1 và bà C1 nguyện vọng vẫn mong muốn chị H quay về để đoàn tụ. Do vậy, đề nghị HĐXX tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị HĐXX:

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Mai Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Mai Quang H2, sinh ngày 17/01/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mai Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, do chị H không yêu cầu và anh H1 là đối tượng khuyết tật nặng.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị H** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Mai Văn H1**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã đến gia đình anh **Mai Văn H1** để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh **H1** và người thân (mẹ anh **H1** là bà **Nguyễn Thị C1**) nhưng anh **H1** và bà **C1** cố tình không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tại địa phương theo quy định của pháp luật. Như vậy, anh **H1** biết được việc chị **H** xin ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh **H1** vắng mặt nên không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Ngày 16/08/2024, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất nhưng anh **H1** vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, mặc dù đã được triệu tập và tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng anh **H1** vẫn không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị **H** có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh **H1**. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **H1**, chị **H**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Mai Văn Hải** đăng k kết hôn ngày 14/07/2007 tại **UBND xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì đến tháng 11 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H1** ghen tuông vô cớ, nên thường xuyên đánh đập chị nhiều lần. Chị **H** nghĩ cho con (cháu **H2**) nên đã cố gắng chịu đựng, nhưng mâu thuẫn của chị **H** và anh **H1** vẫn không thay đổi được mà ngày càng trầm trọng hơn. Chính vì vậy, từ tháng 11 năm 2009 đến nay chị **H** cùng cháu **Quang H2** không sống cùng anh **H1** và cũng là thời gian chị **H** và anh **H1** sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Theo kết quả xác minh ngày 25/7/2024 tại gia đình bà **Nguyễn Thị C1** (mẹ anh **H1**), địa chỉ: **Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**. Bà **C1** cho biết: Anh **H1**, chị **H** kết hôn năm 2007, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình cùng bà. Quá trình chung sống, giữa bà và chị **H** không xảy ra mâu thuẫn gì. Nhưng vợ chồng anh **H1**, chị **H** mâu thuẫn là do anh **H1** ghen tuông nên về nhà anh **H1** đánh

chị H, sau đó năm 2009 chị H bỏ đi. Bà C1 và anh H1 cũng đã động viên để chị H quay về nhưng chị H vẫn không nghe và không có thiện chí quay về.

[3]. Về con chung: Anh H1 và chị H có 01 con chung tên là Mai Quang H2, sinh ngày 17/01/2008. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu H2 ở cùng chị H và được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H làm công nhân, mức thu nhập bao nhiêu bà cần không biết.

Ý kiến của ông Mai Danh Đ - Trưởng thôn: Thống nhất như trình bày của bà C1, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo QĐ số: 5473/QĐ-UBND ngày 18/09/2019 của UBND huyện H, anh H1 là đối tượng người khuyết tật nặng và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội. Nhưng từ tháng 11/2009 đến năm 2019 mặc dù anh H1 chưa thuộc đối tượng trên, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không có cách nào khắc phục được, anh H1 muốn chị H quay về nhưng anh cũng không có biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân của chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Mai Quang H2 sinh ngày 17/01/2008. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Quang H2, còn anh H1 thì không muốn ly hôn, muốn đoàn tụ để nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu về nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là ngang nhau, nhưng từ khi chị H và anh H1 sống ly thân đến nay, cháu Quang H2 đang ở với chị H.

Nguyện vọng của cháu Quang H2: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ, hơn nữa hiện tại anh H1 là đối tượng người khuyết tật nặng và được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội. Do vậy, nên xử giao cháu Mai Quang H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Mai Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Quang H2 sinh ngày 17/01/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mai Văn H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí DSST về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003223 ngày 02/04/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND huyện Hậu Lộc; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- Các đương sự;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc ;
- UBND xã Liên Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tạ Văn Tuyên

